



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 33/2023

(08/08/2023 – 14/08/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, cước thuê tàu tuần qua tương đối ổn định và chỉ số thuê tàu BDI gần như không biến động nhiều, hiện ở mức 1.135 điểm so với tuần trước 1.145 điểm. Do một số quốc gia Châu Âu đang có kỳ nghỉ hè tuần qua và nghỉ lễ đầu tuần này nên hoạt động mua bán tàu tương đối trầm lắng. Người Mua cũng dần quan tâm trở lại và sẵn sàng ngồi xuống đàm phán thêm nếu giá chủ tàu đưa ra hợp lý. Tuy nhiên nhiều chủ tàu cũng chỉ mới giảm giá nhẹ để thăm dò thị trường nên thị trường khá yên ắng và cần quan sát thêm những tuần tiếp theo.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tuần qua cước thuê tàu nhìn chung vẫn vậy, không có thay đổi đáng kể. So với lúc cao điểm 3-4 tháng trước, giá tàu tuy có giảm nhẹ, song mặt bằng tham chiếu vẫn được củng cố thêm. Khi người Mua tàu hàng khô tận dụng thời điểm thị trường giảm để mua tàu trẻ, thì giá tàu dầu/hóa chất vẫn rất cao so với trước đây khiến người Mua đành chọn tàu già để khai thác ngay, hoặc đầu tư tiền đóng tàu mới để đáp ứng các tiêu chuẩn tàu hiện hành. Tàu chemical MR **Pro Jade** (46.757 dwt, đóng 2003 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn) vừa bán với giá khoảng 12,2 triệu đô la Mỹ. Giá này tuy không cao so với mặt bằng chung hiện nay và tàu còn phải lên đà tháng 11/2023, song vẫn cao hơn 1-2 triệu so với đầu năm nay.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGOES						
Ariadne	2009	Korea	180,010	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 02/2024
Cape Agamemnon	2010	Korea	179,221	22.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 12/2023, SS 07/2025
Mount Apo	2012	China	175,800	24.75	Peter Doehle	Scrubber fitted, DD 09/2025, SS 04/2027
MBA Giovanni	2010	China	93,361	16.75	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 04/2025
MBA Rosaria	2011	China	93,326	16.75		BWTS fitted, DD/SS 07/2025
Navios Southern Star	2013	Japan	82,224	21.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD 04/2026, SS 04/2028

Dimitrios T	2000	Korea	72,917	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, DD 08/2024, SS 08/2026
SSI Formidable	2017	China	63,510	27.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2026, SS 07/2027
Tomini Norte	2016	China	37,983	17.50	Greek	BWTS fitted, DD 12/2024, SS 09/2026
Tomini Ghibli	2016	China	37,896	17.50		BWTS fitted, DD 05/2024, SS 05/2026
TANKERS						
Monte Toledo	2004	Japan	150,611	35.50	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 05/2024
Lila Alabama	2004	Korea	72,514	18.00	Greek	Old sale 07/2023, DD/SS 06/2024
Pro Jade	2003	Korea	46,757	12.20	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS due 11/2023
Wawasan Bluefin	2008	Japan	19,997	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 08/2023
CONTAINERS						
X-Press Irazu	2007	China	23,716	11.00	Undisclosed	1740 teu, BWTS fitted, fully cellular, ice class II, M/E MAN-B&W, DD 03/2025, SS 02/2027, Singaporean owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		08/ 2023	1M	3M	6M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	61.00	-4%	-9%	12%	-4%	52.75
180k dwt	5 tuổi	47.50	-6%	-14%	7%	-11%	37.00
170k dwt	10 tuổi	29.50	-6%	-12%	0%	-17%	26.00
150k dwt	15 tuổi	18.50	-5%	-15%	-3%	-20%	16.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	-1%	-7%	1%	-12%	33.50
82k dwt	5 tuổi	31.50	-2%	-9%	3%	-14%	26.50
76k dwt	10 tuổi	21.50	-2%	-16%	-7%	-20%	17.75
74k dwt	15 tuổi	13.50	-10%	-23%	-11%	-29%	12.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	36.00	-3%	-9%	-1%	-13%	31.25
58k dwt	5 tuổi	29.50	-2%	-8%	4%	-11%	21.50
56k dwt	10 tuổi	18.50	-9%	-16%	-3%	-23%	15.75
52k dwt	15 tuổi	13.50	-8%	-16%	-11%	-27%	11.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.00	-2%	-3%	8%	-4%	25.50
37k dwt	5 tuổi	24.50	-4%	-9%	-2%	-16%	19.00
32k dwt	10 tuổi	17.00	-3%	-13%	0%	-17%	12.50
28k dwt	15 tuổi	11.00	-4%	-15%	0%	-27%	7.75

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		08/ 2023	1M	3M	6M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	0%	15%	97.50
310k dwt	5 tuổi	99.50	-1%	-1%	-1%	18%	73.00
250k dwt	10 tuổi	74.50	-1%	-3%	-3%	27%	50.00
250k dwt	15 tuổi	58.00	-1%	-4%	-4%	43%	34.75

SUEZMAX

160k dwt	Resale	90.00	0%	5%	5%	14%	66.00
150k dwt	5 tuổi	72.50	-1%	5%	6%	24%	50.00
150k dwt	10 tuổi	58.50	0%	8%	9%	36%	34.75
150k dwt	15 tuổi	37.50	0%	9%	10%	34%	21.25

AFRAMAX

110k dwt	Resale	79.50	0%	1%	5%	15%	54.50
110k dwt	5 tuổi	64.00	-2%	2%	2%	20%	40.50
105k dwt	10 tuổi	51.50	0%	2%	2%	36%	27.75
105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	5%	5%	34%	17.25

MR

52k dwt	Resale	51.00	0%	0%	5%	11%	39.25
52k dwt	5 tuổi	40.50	-2%	-5%	-4%	8%	30.00
45k dwt	10 tuổi	32.50	-4%	-7%	-4%	21%	20.25
45k dwt	15 tuổi	22.50	-4%	-8%	-2%	22%	12.75

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	08/ 2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.78%	4.84%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	6.33%	21.74%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	2.70%	18.75%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	0.00%	3.13%	13.79%	-4.35%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	08/ 2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	0.00%	3.25%	4.96%	5.83%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	4.24%	6.17%	4.88%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	3.01%	7.03%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	3.26%	6.74%	7.95%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua cuối cùng cũng cho thấy tín hiệu tích cực sau thời gian dài mong mỏi. Cước ở Nam Phi cao nhất trong hai tuần vừa qua cũng như nhiều nhu cầu chở hàng vào giữa tháng này. Điều này thu hút những lưu vực khác. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 8.008 đô la Mỹ, tăng 440 đô la Mỹ (tương đương 5,81%) so với mức 7.568 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, tàu **Aris Glory** (58.758 dwt, đóng 2007) được chốt chở quặng niken từ Tieshan (15-16/08) băng qua Philippines đến Trung Quốc, trả tàu ở Nam Trung Quốc với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ hoặc 9.000 đô la Mỹ ở Bắc Trung Quốc, cùng lúc Panocean chốt tàu **Nikos N** (53.815 dwt, đóng 2011) đi từ Singapore (08-09/08) băng qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 8.500 đô la Mỹ. Phía Ấn Độ Dương, Norvic chốt tàu **New Horizon** (55.445 dwt, đóng 2010) đi ngay từ Mina Saqr đến Bangladesh với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ, cùng lúc Allianz Bulk chốt tàu **Victoria T** (61.266 dwt, đóng 2017) đi từ Tuticorin (12-16/08) băng qua Đông Phi đến Đông Nam Á với giá khoảng 10.500 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, NMC chốt tàu **Ocean GLSR** (56.108 dwt, đóng 2014) chở hàng rời đi ngay từ Baltic đến Nigeria với giá khoảng 9.750 đô la Mỹ, Lighthouse Navigation chốt tàu **Ocean Knight** (56,808 dwt, đóng 2011) đi từ Recalada đến Algeria với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, Norden thuê tàu **Al Wathba** (63.672 dwt, đóng 2013) khoảng 9-12 tháng, giao tàu ở Địa Trung Hải và trả tàu ở nơi bất kỳ với giá khoảng 115% cước trung bình trong tuần.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 7.396 đô la Mỹ, tăng 376 đô la Mỹ so với mức 7.020 đô la Mỹ của tuần trước. Tín hiệu tích cực loang ra khắp các khu vực, cước ở hai đại dương dự kiến sẽ tăng mạnh trong vài tuần tới. Mặc dù có sự cải thiện rõ rệt ở tuần qua, Đại Tây Dương vẫn đang xếp sau Thái Bình Dương. Nhu cầu vận tải ở Continent và Địa Trung Hải ở mức tương đối, một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt đi từ trạm hoa tiêu ở Algeria đến khu vực Amsterdam-Rotterdam-Antwerp-Ghent với giá khoảng 4.750 đô la Mỹ, dường như đây là mức thấp nhất trên thị trường. Cargill chốt một tàu khoảng 35.000 dwt với giá khoảng 6.500 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng từ Canakkale băng qua Biển Đen đến khu vực Tây Ban Nha-Địa Trung Hải. Các chuyến tàu khoảng 33.000 dwt chở phế liệu từ Continent đến Thổ Nhĩ Kỳ hiện đang có giá khoảng 7.000 đô la Mỹ. Nova Marine Carriers chốt tàu **Team Bravo** (33.642 dwt, đóng 2012) được chốt chở hàng rời từ Vịnh Pháp và trả tàu ở Abidjan với giá khoảng 7.200 đô la Mỹ. Ở Vịnh Hoa Kỳ, các tàu handy cỡ lớn đang được ổn định cước khoảng 7.000 đô la Mỹ cho các chuyến đi xuyên Đại Tây Dương. Tàu **Kinling** (37.440 dwt, đóng 2022) neo ở St Lawrence được chốt chở nhôm từ Vila De Conde đến và trả tàu ở Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ. Cước ở Bờ Đông Nam Mỹ được đẩy mạnh vào tuần này, tàu **Apogee Endeavour** (28.341 dwt, đóng 2009) được chốt chở hàng rời từ Recalada và trả tàu ở Buenaventura với giá khoảng 12.800 đô la Mỹ. Ở Tây Phi, tàu **Tac Imola** (40.261 dwt, đóng 2021) neo ở Lome được Oldendorff chốt chuyến front haul đi từ Vịnh Walvis băng qua Tây Phi và trả tàu ở khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 11.700 đô la Mỹ. Mặc dù có ít nhu cầu chở hàng ở Châu Á, tuy nhiên tín hiệu tích cực vẫn có ở khu vực này. Quan sát thấy được sự cân bằng giữa số lượng tàu chở và nhu cầu chở gỗ đang tăng mạnh dẫn đến nhiều triển vọng cước sẽ tăng. Mảng thuê định hạn cũng được ghi nhận tích cực hơn. Tàu **Steady Sarah** (38.468 dwt, đóng 2011) neo ở Port Kelang, có tin tàu này được chốt đến

Trung Quốc với giá khoảng 7.250 đô la Mỹ, thêm tin tàu **Liverpool Strait** (37.452 dwt, đóng 2013) neo ở Dung Quất được chốt đến phía Nam Trung Quốc với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ, tuy nhiên chi tiết hai thương vụ này chưa được tiết lộ. Ở mảng thuê định hạn, tàu **Taokas Wisdom** (31.943 dwt, đóng 2008) neo ở Bờ Đông Ấn Độ (15-20/08), có tin tàu này được thuê khoảng 3-5 tháng với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ/ngày trong 40 ngày đầu và 8.800/ngày cho các ngày tiếp theo. Thêm tin tàu **Papora Wisdom** (28.344 dwt, đóng 2009) neo ở Kuching (cuối tháng 8) được chốt khoảng 3-5 tháng với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ/ngày cho 45 ngày đầu và khoảng 8.250 đô la Mỹ/ngày cho các ngày tiếp theo.

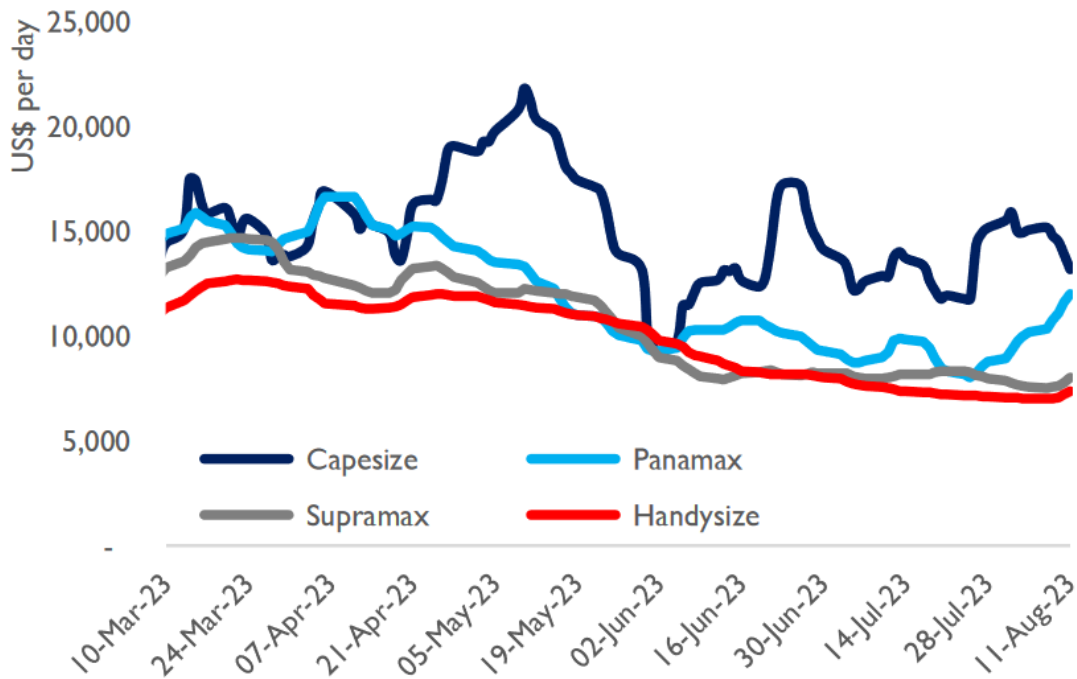
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 33/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 33/2023	TUẦN 32/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 33)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 33)
TRANSATLANTIC RV	13,550	10,805	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	22,033	20,032	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	4,019	2,846	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	9,753	7,640	6,525	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	8,036	7,368	6,630	17,016
PACIFIC RV	6,969	6,650	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	10,446	9,933	9,933	19,863

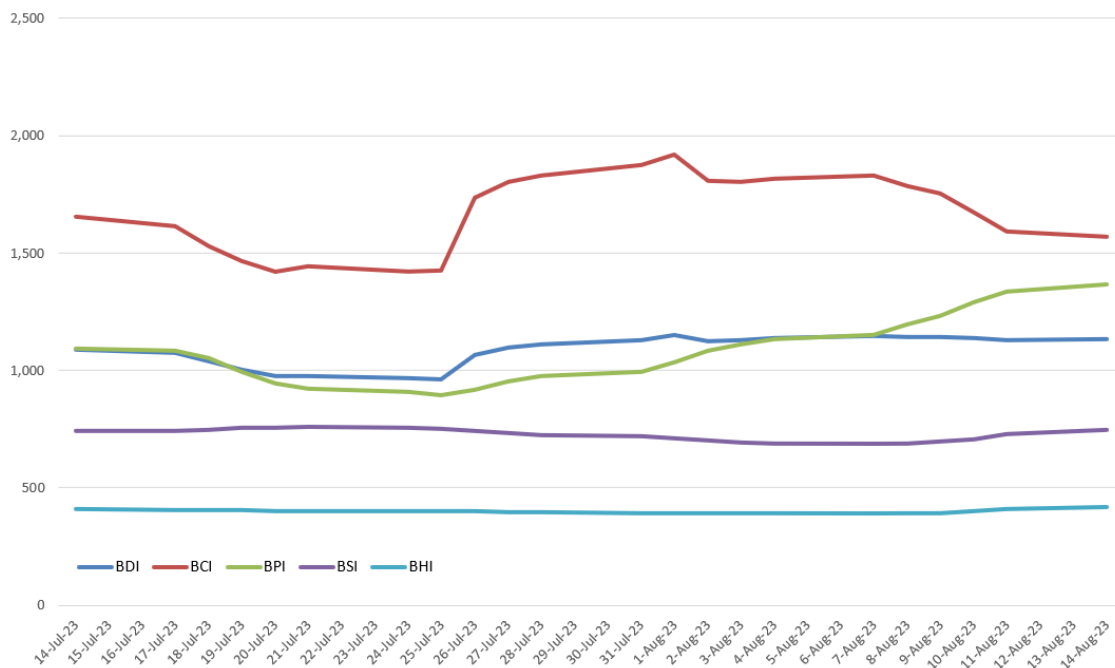
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 14/08/2023

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	8,008	▲	440
HANDIES 38K	7,396	▲	376

(so sánh với giá trị ngày 07/08/2023)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 82,81 đô la Mỹ /thùng, trong khi giá dầu Brent dừng lại ở mức 86,39 đô la Mỹ /thùng.

Theo một số phân tích, thị trường đã mua vào quá nhiều dầu trong một thời gian dài, bất chấp những kỳ vọng sẽ có điều chỉnh. Tuy nhiên, việc cắt giảm sản lượng dầu từ hai cường quốc xuất khẩu dầu, Ả Rập Xê - út và Nga, chính là lý khiến lượng hàng tồn kho giảm mạnh trong khoảng thời gian còn lại năm 2023 và đẩy giá dầu lên cao hơn. Đồng thời, có ý kiến còn cho rằng giá dầu ngắn hạn có thể biến động trong phạm vi hẹp do khả năng phục hồi kinh tế chậm chạp của Trung Quốc kết hợp chỉ số đồng USD tăng mạnh hơn. Trong khi đó, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đối tác (OPEC+) đã phát tín hiệu sẵn sàng làm bất cứ điều gì cần thiết để thắt chặt nguồn cung và ổn định thị trường.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Tiếp tục chịu ảnh hưởng từ việc cắt giảm sản lượng ở khu vực Trung Đông, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc giảm thêm 1 điểm và hiện đang mức WS 47. Thêm vào đó, việc giá nhiên liệu hiện tại đang tăng lên kéo theo cước TCE của các chủ tàu giảm xuống. Tại khu vực Đại tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi đi Trung Quốc tiếp tục không đổi ở mức WS 53..			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	22.260	19.310	↓
	Trung Đông/USG	- 518	- 1.670	↓

<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Nguồn cung hàng hóa tại khu vực Đại Tây Dương giảm trong thời gian gần đây khiến cho nguồn cung tàu tại khu vực Tây Phi tăng lên đáng kể. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam đang ở mức WS 65. Theo đánh giá, so với thời điểm đầu năm, cước trung bình đã giảm khoảng 43%. Thêm vào đó, việc Nga thông báo giảm sản lượng xuất khẩu dầu thô trong tháng 9 sẽ khiến cho thị trường chịu thêm nhiều sức ép.</p> <table border="1" data-bbox="491 327 1490 580"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>12.810</td> <td>8.890</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>16.160</td> <td>10.750</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	12.810	8.890	↓	Biển Đen/ Địa Trung Hải	16.160	10.750	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	12.810	8.890	↓														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	16.160	10.750	↓														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Các chủ tàu Aframax đã trải qua một tuần sôi động tại khu vực Địa Trung Hải. Các giao dịch ký kết hàng hóa diễn ra ổn định giúp cho nguồn cung tàu sẵn có giảm mạnh. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Địa Trung Hải/Biển Đen tăng gần 20 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở quanh mức WS 99. Tại khu vực Biển Bắc, thị trường vẫn rơi vào tình trạng ảm đạm, ghi nhận nhiều tàu chạy ballast ra khỏi khu vực.</p> <table border="1" data-bbox="491 864 1490 1180"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>36.100</td> <td>28.050</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>22.470</td> <td>8.100</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>25.046</td> <td>23.350</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	36.100	28.050	↓	Caribs/USG	22.470	8.100	↓	Châu Á/Úc	25.046	23.350	↓
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	36.100	28.050	↓														
Caribs/USG	22.470	8.100	↓														
Châu Á/Úc	25.046	23.350	↓														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

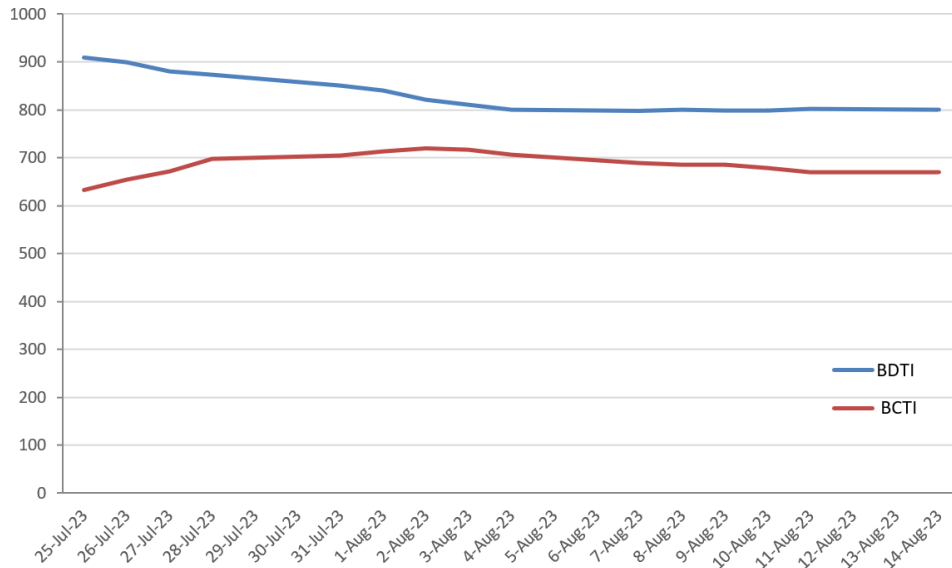
Đối với phân khúc **tàu MR**, cước tàu MR tại khu vực Bắc Á không có sự biến động diễn ra trong tuần vừa qua, nguồn cung – cầu tại khu vực diễn ra khá cân bằng. Tại khu vực Đông Nam Á, nguồn cung tàu đang được thắt chặt do đó các chủ tàu đang cố gắng đẩy cước lên mức cao hơn. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Singapore đi Đông Úc đang ở mức WS 220 – tương đương với khoảng 24.500 đô la Mỹ/ngày. Tuy nhiên, hàng hóa trên thị trường đang dần được ký kết và theo dự báo cước sẽ chững lại trong tuần này. Tại khu vực UKC, thị trường có xu hướng biến động mạnh. Ghi nhận cước trên tuyến Cont/USAC đang ở mức WS 165 – tương đương với khoảng 16.285 đô la Mỹ/ngày.

Phân khúc tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ: Tại khu vực châu Á: ghi nhận xu hướng tăng nhẹ đối với các giao dịch đi khu vực phía Bắc do nhu cầu hàng BTX và Glycols tăng từ Trung Quốc. Bên cạnh đó, nguồn hàng đi hướng phía Nam vẫn tiếp tục ổn định. Đối với hàng dầu cọ, nhu cầu từ Ấn Độ và Trung Đông vẫn ổn định trong mùa cao điểm. Theo ghi nhận, cước chở 10-12.000 tấn hàng đi bờ đông Ấn Độ đang ở quanh mức 36-38 đô la Mỹ/tấn và 45-47 đô la Mỹ/tấn cho các đơn hàng chở 15-18.000 tấn đi khu vực bờ Tây (cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp/dỡ hàng). Tại khu vực Trung Đông, thị trường vẫn ở mức trầm lắng. Theo ghi nhận, có một số đơn hàng được ký kết đi khu vực Bắc Á, đơn cử 11.000 tấn CPP từ Jubail đi Bắc Á được ký kết ở mức 82-84 đô la Mỹ/tấn. Hiện tại, chưa có một điểm sáng nào trên thị trường để dự báo rằng cước sẽ tăng lên ngoài việc tăng giá nhiên liệu.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 33			Giá thuê tàu định hạn tuần 32		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	44,500	40,500	38,500	44,000	40,000	38,000
SUEZMAX	46,000	36,000	33,000	46,000	36,000	33,000
AFRAMAX	45,000	37,000	31,000	45,500	37,500	32,000
LR-2	43,500	37,000	31,500	44,000	37,000	31,000
LR-1	34,000	29,000	25,500	34,000	29,000	25,500
MR	26,500	24,000	21,500	26,500	24,000	21,500
HANDY	23,000	18,000	15,000	22,500	18,000	15,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	520	▼ 5	540	▼ 5	560	▼ 5
2	India	510	▼ 10	530	▼ 10	550	▼ 10
3	Pakistan	500		520		540	
4	Turkey	300		310		320	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
 MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.